

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671006 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phan Thanh	Phúc	3671031273	01/09/1994	6,00	7,00	6,70	
2	Lê Phát	Sang	3671031278	13/12/1994	3,00	3,00	3,00	
3	Trần Ngọc Duy	Khương	3671031279	09/12/1993	3,00	1,50	2,00	
4	Đỗ Văn	Toàn	3671031280	05/12/1994	5,00	7,00	6,40	
5	Nguyễn Văn	Tùng	3671031282	29/11/1993	4,00	5,50	5,10	
6	Nguyễn Nhật	Huy	3671031287	09/11/1994	4,00	4,50	4,40	
7	Trần Anh	Nhật	3671031290	04/11/1993	3,00	,00	,90	
8	Nguyễn Thanh	Sang	3671031291	07/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
9	Bá Quang	Đàng	3671031295	04/03/1993	2,00	4,50	3,80	
10	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994	2,00	5,00	4,10	
11	Hoàng Văn	Đức	3671031301	21/09/1994	2,00	1,00	1,30	
12	Nguyễn Văn	Bảo	3671031305	19/05/1994	2,00	2,50	2,40	
13	Trần Quang	Chung	3671031454	30/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
14	Nguyễn Tấn	Anh	3671031456	10/10/1994	4,00	4,50	4,40	
15	Nguyễn Văn	Bình	3671031458	04/01/1994	5,00	4,00	4,30	
16	Lê Nhược Vi	Quân	3671031464	11/04/1993	,00	1,50	1,10	
17	Nguyễn Đức	Trọng	3671031466	17/10/1993	1,00	1,00	1,00	
18	Nguyễn Thanh	Viêm	3671031467	21/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
19	Nguyễn Đình	Sơn	3671031468	18/12/1994	,00	3,00	2,10	Nợ HP
20	Lê Nhật	Tân	3671031469	13/07/1994	3,00	3,50	3,40	
21	Bùi Văn	Quang	3671031471	06/10/1993	,00	1,00	,70	
22	Đỗ Tấn	Khang	3671031476	11/02/1994	4,00	7,00	6,10	
23	Phạm Văn	Nghĩa	3671031478	22/06/1992	4,00	5,00	4,70	
24	Nguyễn Hữu	Tuấn	3671031484	27/09/1994	2,00	3,00	2,70	
25	Lê Văn	Hậu	3671031488	06/04/1993	4,00	3,50	3,70	
26	Điệp Văn	Duy	3671031489	05/10/1993	5,00	4,50	4,70	
27	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993	2,00	3,00	2,70	
28	Nguyễn Viết	Sơn	3671031495	26/06/1993	2,00	2,50	2,40	
29	Tạ Anh	Phương	3671031497	22/05/1994	2,00	1,00	1,30	
30	Lê Hải	Vân	3671031498	21/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
31	Lê Hồng	Vũ	3671031499	26/01/1994	2,00	,50	1,00	
32	Phạm Đình	Tuấn	3671031504	19/04/1994	4,00	6,50	5,80	
33	Võ Bách	Khoa	3671031505	03/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
34	Lê Văn	Muống	3671031510	22/05/1994	3,00	4,00	3,70	Nợ HP
35	Nguyễn Quang	Công	3671031512	16/09/1989	2,00	2,00	2,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Thành	Phong	3671031513	04/10/1994	3,00	3,50	3,40	
37	Nguyễn Văn	Hải	3671031514	02/06/1994	3,00	3,00	3,00	
38	Lê Văn	Độ	3671031523	20/11/1994	3,00	3,00	3,00	
39	Nguyễn Bình	Triệu	3671031526	13/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
40	Lê Đức	Tấn	3671031538	05/10/1994	,00	,00	,00	
41	Nguyễn Tài	Phát	3671031543	07/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
42	Nguyễn Vương	Lộc	3671031544	03/06/1994	4,00	,00	1,20	
43	Nguyễn Đăng	Hải	3671031549	12/03/1993	,00	,00	,00	
44	Nguyễn Công	Hiếu	3671031550	12/09/1994	3,00	3,50	3,40	
45	Trần Minh	Hiếu	3671031552	13/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
46	Võ Hùng	Mạnh	3671031553	03/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
47	Phan Tấn	Mạnh	3671031557	14/04/1994	5,00	5,50	5,40	
48	Trương Thị Kim	Nguyệt	3671031559	09/04/1994	8,00	7,50	7,70	
49	Nguyễn Thành	Luân	3671031563	06/01/1994	3,00	1,00	1,60	
50	Nguyễn Thị	Lộc	3671031567	26/06/1994	6,00	6,50	6,40	
51	Huỳnh Quang	Hiệp	3671031575	02/10/1994	2,00	4,00	3,40	
52	Đỗ Thanh	Cừ	3671031584	31/05/1994	3,00	3,00	3,00	
53	Trần Việt	Tiến	3671031590	15/09/1994	2,00	3,00	2,70	
54	Nguyễn Bình	Danh	3671031591	16/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)